

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH (CADASTRAL MAP)

I. Thông tin về học phần

- Mã học phần: **QL02016**
- Học kỳ: 5
- Tín chỉ: **Tổng số tín chỉ 2 TC (Lý thuyết 1,5 TC – Thực hành 0,5 TC)**
- **Tự học: 4**
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập:
 - + Học lý thuyết trên lớp: 22,5
 - + Làm bài tập trên lớp: 0
 - + Thảo luận trên lớp: 0
 - + Thực hành trong phòng: 7,5
 - + Thực tập thực tế ngoài trường: 0
 - + Tự học: 60
- Đơn vị phụ trách học phần:
 - Bộ môn: Trắc địa Bản đồ
 - Khoa: Quản lý đất đai
- Là học phần: bắt buộc
- Học phần học trước (chỉ 1 học phần): Không.

| Đại cương <input type="checkbox"/> | | Chuyên ngành <input type="checkbox"/> | | | | | |
|--------------------------------------|-------------------------------------|---|-------------------------------------|---------------------------------------|-------------------------------------|--------------------------------------|-------------------------------------|
| Bắt buộc <input type="checkbox"/> | Tự chọn <input type="checkbox"/> | Cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/> | | Chuyên ngành <input type="checkbox"/> | | Chuyên sâu <input type="checkbox"/> | |
| | | Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/> | Tự chọn <input type="checkbox"/> | Bắt buộc <input type="checkbox"/> | Tự chọn <input type="checkbox"/> | Bắt buộc <input type="checkbox"/> | Tự chọn <input type="checkbox"/> |
| | | | | | | | |

- Học phần học song hành: không
- Học phần học trước: Không
- Học phần tiên quyết: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: tiếng Anh , Tiếng Việt

II. Mục tiêu và kết quả học tập mong đợi

* Mục tiêu :

- Về kiến thức: Học phần nhằm giúp cho sinh viên nắm bắt được những kiến thức cơ bản về bản đồ địa chính, hiểu được cơ sở toán học trong thành lập bản đồ địa chính. Sinh viên sẽ biết được cách thức sử dụng bản đồ địa chính trong thực tiễn sản xuất và đánh giá được vai trò bản đồ địa chính trong công tác quản lý đất đai.

- Về kỹ năng: Giúp sinh viên biết cách thiết kế, biên tập và thành lập bản đồ địa chính dựa trên các phần mềm chuyên ngành của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Bên cạnh đó, giúp sinh viên biết khai thác các nội dung của bản đồ địa chính trong thực tiễn sản xuất tại các địa phương.

- Về các mục tiêu khác (thái độ học tập): chủ động và linh hoạt trong học tập.

* Kết quả học tập mong đợi của học phần:

Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra sau đây của CTĐT theo mức độ sau:

1. Không đóng góp; 2. Có đóng góp; 3. Đóng góp nhiều

| Mã học phần | Tên học phần | Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT | | | | | | | | |
|-------------|------------------|---|------|------|------|------|-----------|-----------|-----------|------|
| | | CĐR1 | CĐR2 | CĐR3 | CĐR4 | CĐR5 | CĐR6(CN1) | CĐR7(CN2) | CĐR8(CN3) | CĐR9 |
| QL02016 | Bản đồ địa chính | 1 | 1 | 3 | 2 | 1 | 1 | 1 | 2 | 2 |

| Mã học phần | Tên học phần | Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT | | | | | | | | | |
|-------------|------------------|---|-------|-------|-------|-------------|-------------|-------------|-------|-------|--|
| | | CĐR10 | CĐR11 | CĐR12 | CĐR13 | CĐR14 (CN1) | CĐR15 (CN2) | CĐR16 (CN3) | CĐR17 | CĐR18 | |
| QL02016 | Bản đồ địa chính | 1 | 1 | 2 | 1 | 1 | 1 | 2 | 2 | 2 | |

| Ký hiệu | KQHTMĐ của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được | CĐR của CTĐT |
|------------------|--|--------------|
| Kiến thức | | |
| K1 | Hiểu được nội dung, ý nghĩa của bản đồ địa chính, nắm được các nội dung về phép chiếu, tỷ lệ, hệ tọa độ khi thành lập bản đồ địa chính theo quy phạm hiện hành của Nhà nước. | CĐR 4 |
| K2 | Lý giải và phân tích được kiến thức của các công nghệ mới trong đo đạc, xử lý số liệu xây dựng bản đồ địa chính phục vụ công tác quản lý Nhà nước về đất đai. | CĐR 3, CĐR 8 |
| Kỹ năng | | |
| K3 | Sử dụng thành thạo các phần mềm tin học chuyên ngành phục vụ công tác quản lý và sử dụng đất. | CĐR 9 |
| K4 | Thực hiện thành thạo kỹ năng biên tập, tiếp biên và thành lập bản | CĐR 12 |

| | | |
|--------------------------------|--|--------|
| | đồ địa chính. | |
| K5 | Sử dụng thành thạo các loại máy trắc địa đo đạc, xử lý số liệu đo đạc phục vụ công tác thành lập bản đồ địa chính và đăng ký đất đai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, lập các phương án quy hoạch. | CĐR 16 |
| Năng lực tự chủ và trách nhiệm | | |
| K6 | Có ý thức, kỷ luật, tinh thần, trách nhiệm và nghiêm túc trong học tập. | CĐR 17 |
| K7 | Tích cực tham khảo tài liệu, thực hành để nâng cao trình độ. | CĐR 18 |

III. Nội dung tóm tắt của học phần

QL 02016. Bản đồ địa chính (Cadastral map). (2TC: 1,5 - 0,5 -4): Khái quát về địa chính và bản đồ địa chính, nội dung bản đồ địa chính; cơ sở toán học của bản đồ địa chính; quy trình công nghệ thành lập bản đồ địa chính; trình bày bản đồ địa chính; sử dụng, hiện chỉnh bản đồ địa chính, lưu trữ và quản lý bản đồ địa chính.

IV. Phương pháp giảng dạy và học tập

1. Phương pháp giảng dạy

- + Thuyết giảng
- + Hướng dẫn, thực hành tại thực địa và xử lý số liệu trên máy tính.

2. Phương pháp học tập

- + Nghe thuyết giảng;
- + Nghiên cứu đọc tài liệu;
- + Thực hiện các nội dung thực hành do giảng viên hướng dẫn và làm việc nhóm.

V. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải tham dự ít nhất 75% số tiết học lý thuyết.

- Chuẩn bị cho bài giảng: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải đọc giáo trình và sách tham khảo do giảng viên giới thiệu trước buổi học.

- Thực hành: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải tham gia 100% giờ thực hành. Thực hành theo nhóm, nộp và bảo vệ sản phẩm theo quy định.

- Thi cuối kì: Sinh viên phải tham gia và làm bài thi kết thúc học phần.

VI. Đánh giá và cho điểm

1. Thang điểm: 10

2. Điểm cuối kì là điểm trung bình cộng của những điểm thành phần sau:

- Điểm chuyên cần: (10%)
- Điểm quá trình/Điểm kiểm tra giữa kì: (30%)
- Điểm kiểm tra cuối kì: (60%)

3. Phương pháp đánh giá

| Rubric đánh giá | Nội dung/Tiêu chí đánh giá | KQHTMD được đánh giá | Trọng số (%) | Thời gian/Tuần học |
|------------------------------|----------------------------|----------------------|--------------|--------------------|
| Chuyên cần | | | 10 | |
| Chuyên cần (Rubric 1) | Thời gian tham dự | K1, K2, K3, K4, K5 | 5 | 1-10 |
| | Thái độ tham dự | K6, K7 | 5 | |
| Đánh giá quá trình | | | 30 | |

| | | | | |
|---------------------------------|--|--------------------|-----------|------------------|
| Thực hành (Rubric2) | Thái độ tham dự | K6, K7 | 10 | 3-15 |
| | Kết quả thực hành | K2, K3, K4, K5 | 10 | |
| | Sản phẩm giao nộp | K4, K5 | 10 | |
| Cuối kì | | | 60 | |
| Thi cuối kỳ (Rubric3) | Nội dung kiểm tra toàn bộ những kiến thức và kỹ năng đã học. | K1, K2, K3, K4, K5 | 60 | Theo lịch thi HV |

Rubric 1: Đánh giá chuyên cần (tham dự lớp)

| Tiêu chí | Trọng số (%) | Tốt | Khá | Kém |
|-------------------|--------------|---|------------------------------------|--------------------------------|
| Thái độ tham dự | 50 | Chủ động, tích cực đóng góp ý kiến (0,5đ) | Bị động đóng góp ý kiến (0,3đ) | Không đóng góp ý kiến (0đ) |
| Thời gian tham dự | 50 | Tham dự từ 85 – 100% giờ học (0,5đ) | Tham dự từ 75 – 85% giờ học (0,3đ) | Tham dự dưới 75% giờ học (0 đ) |

Rubric 2. Đánh giá thực hành

| Tiêu chí | Trọng số (%) | Tốt 100% | Khá 75% | Trung bình 50% | Kém 0% |
|-------------------|--------------|--|--|---|--|
| Thái độ tham dự | 20 | Tích cực tham gia và chia sẻ trong quá trình thực hành | Có tham gia và chia sẻ trong quá trình thực hành | Có tham gia nhưng không chú ý và chia sẻ trong quá trình thực hành | Không tham gia và chia sẻ trong quá trình thực hành |
| Kết quả thực hành | 40 | Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng hoàn toàn các yêu cầu | Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng khá tốt các yêu cầu, còn sai sót nhỏ | Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng tương đối các yêu cầu, có một số sai sót. | Kết quả thực hành không đầy đủ/Không đáp ứng yêu cầu |
| | 30 | Giải thích và chứng minh rõ ràng | Giải thích và chứng minh khá rõ ràng | Giải thích và chứng minh tương đối rõ ràng | Giải thích và chứng minh không rõ ràng |
| Sản phẩm giao nộp | 10 | Đúng format, trình bày đẹp, rõ ràng, logic và nộp đúng hạn | Điểm tùy theo mức độ đáp ứng | | |

Rubric 3: Đánh giá cuối kì

| Nội dung kiểm tra | Chỉ báo thực hiện của học phần được đánh giá qua câu hỏi | KQHTMĐ của môn học được đánh giá qua câu hỏi |
|--------------------------|---|---|
| Chương 1 | Chỉ báo 1: <i>Khái quát chung về địa chính bản đồ địa chính</i> | K1, K2 |
| Chương 2 | Chỉ báo 2: <i>Cơ sở toán học của bản đồ địa chính</i> | K1, K2 |
| Chương 3 | Chỉ báo 3: <i>Quy trình công nghệ thành lập bản đồ địa chính</i> | K1, K2 |
| Chương 4 | Chỉ báo 4: <i>Trình bày bản đồ địa chính</i> | K1, K2 |
| Chương 5 | Chỉ báo 5: <i>Sử dụng, hiệu chỉnh bản đồ địa chính</i> | K1, K2 |

4. Các yêu cầu, quy định đối với học phần

- Tham dự thực hành: Sinh viên không tham dự thực hành sẽ bị 0 điểm thực hành và không đủ điều kiện dự thi lý thuyết;
- Tham dự bài thi: Sinh viên không tham gia bài thi sẽ bị 0 điểm;
- Yêu cầu về đạo đức: Sinh viên phải có thái độ học tập nghiêm túc, đúng mực.

VII. Giáo trình/ tài liệu tham khảo

Giáo trình:

[1] PGS.TS. Nguyễn Thanh Trà (1999). Giáo trình Bản đồ địa chính – NXB Nông nghiệp (tài liệu tham khảo chính).

Tài liệu tham khảo:

[2] Bộ Tài nguyên và Môi trường (2014). Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT quy phạm thành lập bản đồ địa chính các tỷ lệ 1:200, 1:500, 1:1000, 1:2000, 1:5000 và 1:10.000.

[3] Bộ Tài nguyên Môi trường (2010). Hướng dẫn sử dụng các phần mềm FAMIS-MicroStation trong biên tập, thành lập bản đồ địa chính.

[4] Công ty TNHH Trắc địa và Công nghệ Toàn Việt (2014). Phần mềm thành lập bản đồ địa chính Viet Map XM.

VIII. Nội dung chi tiết của học phần

| Tuần | Nội dung | KQHTMD của học phần |
|------|--|---------------------|
| 1 | <p>CHƯƠNG 1. KHÁI QUÁT VỀ ĐỊA CHÍNH VÀ BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH</p> <p><i>A. Các nội dung chính trên lớp (3 tiết)</i> <i>Nội dung giảng dạy lý thuyết (3 tiết)</i> 1.1. ĐỊA CHÍNH 1.1.1. Nguồn gốc phát sinh của địa chính 1.1.2. Khái niệm địa chính 1.1.3. Chức năng của địa chính 1.1.4. Phân loại địa chính 1.1.5. Quản lý địa chính 1.2. ĐO ĐẠC ĐỊA CHÍNH 1.2.1. Đo đạc địa chính và quản lý địa chính 1.2.2. Nhiệm vụ và tác dụng của đo đạc địa chính 1.2.3. Địa chính Việt Nam 1.3. BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH 1.3.1. Khái niệm bản đồ địa chính 1.3.2. Nội dung bản đồ địa chính</p> <p><i>B. Các nội dung tự học ở nhà (6 tiết)</i> 1.4. ÔN TẬP KIẾN THỨC CHƯƠNG 1 1.5. NGHIÊN CỨU TÀI LIỆU THAM KHẢO CHƯƠNG 1</p> | K1, K2, K6, K7 |
| 2-3 | <p>CHƯƠNG 2. CƠ SỞ TOÁN HỌC CỦA BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH</p> <p><i>A. Các nội dung chính trên lớp (6 tiết)</i> <i>Nội dung giảng dạy lý thuyết (6 tiết)</i> 2.1. LƯỚI KHÔNG CHẾ TỌA ĐỘ VÀ ĐỘ CAO 2.2. HỆ THỐNG TỶ LỆ BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH 2.3. PHÉP CHIẾU VÀ HỆ TỌA ĐỘ ĐỊA CHÍNH 2.3.1. Ảnh hưởng độ cao khu đo đến chiều dài và diện tích 2.3.2. Ảnh hưởng biến dạng phép chiếu tọa độ phẳng đến các yếu tố trên bản đồ 2.4. PHƯƠNG PHÁP PHÂN MẢNH BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH 2.4.1. Phân mảnh và đánh số hiệu bản đồ địa chính gốc 2.4.2. Phân mảnh bản đồ địa chính 2.5. BỐ CỤC KHUNG BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH 2.5.1. Bố cục khung bản đồ địa chính gốc 2.5.2. Bố cục khung bản đồ địa chính</p> <p><i>B. Các nội dung tự học ở nhà (12 tiết)</i> 2.6. ÔN TẬP KIẾN THỨC CHƯƠNG 2</p> | K1, K2, K6, K7 |

| | | |
|-----|--|------------|
| | 2.7. NGHIÊN CỨU TÀI LIỆU THAM KHẢO CHƯƠNG 2 | |
| 4-5 | CHƯƠNG 3. QUY TRÌNH CÔNG NGHỆ THÀNH LẬP BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH | K3, K4, K5 |
| | <p><i>A. Các nội dung chính trên lớp (7,5 tiết)</i> <i>Nội dung giảng dạy lý thuyết (5 tiết)</i> 3.1. KHÁI QUÁT QUY TRÌNH CÔNG NGHỆ THÀNH LẬP BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH 3.2. CÁC PHƯƠNG PHÁP THÀNH LẬP BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH 3.2.1. Phương pháp toàn đạc 3.2.2. Phương pháp không ảnh 3.2.3. Phương pháp biên vẽ từ tài liệu bản đồ 3.2.4. Phương pháp GPS cầm tay 3.3. BIÊN TẬP BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH <i>Nội dung thực hành:(2,5 tiết)</i> <i>Bài 1. Biên tập bản đồ địa chính</i></p> <p><i>B. Các nội dung tự học ở nhà (15 tiết)</i> 3.4. ÔN TẬP KIẾN THỨC CHƯƠNG 3 3.5. NGHIÊN CỨU TÀI LIỆU THAM KHẢO</p> | |
| 6-7 | CHƯƠNG 4. TRÌNH BÀY BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH | K3, K4, K5 |
| | <p><i>A. Các nội dung chính trên lớp (7 tiết)</i> <i>Nội dung giảng dạy lý thuyết (4,5 tiết)</i> 4.1. HỆ THỐNG KÝ HIỆU BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH 4.1.1. Phân loại ký hiệu 4.1.2. Vị trí các ký hiệu 4.1.3. Màu sắc ký hiệu 4.2. YÊU CẦU ĐỘ CHÍNH XÁC CỦA BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH 4.3.1. Độ chính xác điểm khống chế đo vẽ 4.3.2. Độ chính xác vị trí điểm chi tiết 4.3.3. Độ chính xác thể hiện độ cao trên bản đồ 4.3.4. Độ chính xác tính diện tích 4.3. ĐÁNH SỐ THỪA TRÊN BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH 4.4. HỒ SƠ KỸ THUẬT THỪA ĐẤT <i>Nội dung thực hành:(2,5 tiết)</i> <i>Bài 2. Phân mảnh tiếp biên bản đồ địa chính</i></p> <p><i>B. Các nội dung tự học ở nhà (14 tiết)</i> 4.5. ÔN TẬP KIẾN THỨC CHƯƠNG 4 4.5. NGHIÊN CỨU TÀI LIỆU THAM KHẢO CHƯƠNG 4</p> | |
| | Chương 5. SỬ DỤNG, HIỆU CHỈNH BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH | K3, K4, K5 |
| | <p><i>A. Các nội dung chính trên lớp (6,5 tiết)</i> <i>Nội dung giảng dạy lý thuyết (4 tiết)</i></p> | |

| | | |
|------|---|--|
| 8-10 | <p>5.1. SỬ DỤNG BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH</p> <p>5.2. TÍNH DIỆN TÍCH TRÊN BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH</p> <p>5.3. CẬP NHẬT, CHỈNH LÝ BIẾN ĐỘNG TRÊN BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH</p> <p>5.3.1. Nội dung cập nhật, chỉnh lý bổ sung bản đồ địa chính</p> <p>5.3.2. Hồ sơ địa chính</p> <p>5.3.3. Đăng ký biến động đất đai</p> <p>5.3.4. Chỉnh lý bản đồ địa chính</p> <p>5.3.5. Độ chính xác chỉnh lý biến động trên bản đồ địa chính</p> <p>5.5. LƯU TRỮ VÀ QUẢN LÝ BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH</p> <p>5.5.1. Kiểm tra, nghiệm thu</p> <p>5.5.2. Đóng gói và giao nộp tài liệu</p> <p>5.5.3. Lưu trữ và quản lý tài liệu</p> <p>Nội dung thực hành:(2,5 tiết)</p> <p><i>Bài 3. Trích lục hồ sơ kỹ thuật thửa đất</i></p> <p>B. Các nội dung tự học ở nhà (13 tiết)</p> <p>5.6. ÔN TẬP KIẾN THỨC CHƯƠNG 5</p> <p>5.7. NGHIÊN CỨU TÀI LIỆU THAM KHẢO CHƯƠNG 5</p> | |
|------|---|--|

IX. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần:

- Phòng học, thực hành: Đảm bảo diện tích, chỗ ngồi, điều kiện chiếu sáng, không gian thoáng sạch theo tiêu chuẩn phòng học bậc Đại học.
- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Đảm bảo đủ phương tiện cần thiết như máy chiếu, bảng phấn, loa mic, phần mềm, máy tính.
- Các phương tiện khác: không

TRƯỞNG BỘ MÔN

Hà Nội, ngày tháng năm 2018
GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

PGS.TS. Trần Trọng Phương

PGS.TS. Trần Trọng Phương

TRƯỞNG KHOA

DUYỆT CỦA HỌC VIỆN

PGS.TS. Cao Việt Hà

PHỤ LỤC
THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY HỌC PHẦN

Giảng viên phụ trách học phần

| | |
|---|---|
| Họ và tên: Trần Trọng Phương | Học hàm, học vị: PGS. TS |
| Địa chỉ cơ quan: học viện NNVN, Trâu Quỳ Gia Lâm Hà Nội | Điện thoại liên hệ: 098.988.5868 |
| Email: ttphuong@vnua.edu.vn ; | Trang web: http://qldd.vnua.edu.vn/vi/tdbd.html |
| Cách liên lạc với giảng viên: qua Email, điện thoại | |

Giảng viên giảng dạy học phần

| | |
|---|--|
| Họ và tên: Nguyễn Đình Trung | Học hàm, học vị: ThS |
| Địa chỉ cơ quan: học viện NNVN, Trâu Quỳ Gia Lâm Hà Nội | Điện thoại liên hệ: 096.396.2286 |
| Email: ndtrung@vnua.edu.vn | Trang web: http://qldd.vnua.edu.vn/vi/tdbd.html |
| Cách liên lạc với giảng viên: qua Email, điện thoại | |